

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2024

DỰ THẢO 3

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Nghị định liên quan đến cải cách thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Trọng tài thương mại ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Luật sư ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại; Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại; Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh

1. Khi có nhu cầu thay đổi về tên gọi, lĩnh vực hoạt động, Trung tâm trọng tài gửi hồ sơ đề nghị thay đổi tên gọi, lĩnh vực hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ

công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp. Hồ sơ đề nghị thay đổi gồm 01 bộ giấy tờ sau đây:

a) Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy phép thành lập;

b) Bản chính Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài và giấy tờ liên quan đến việc thay đổi (nếu có).

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Trung tâm trọng tài, Bộ Tư pháp có văn bản trả lời chấp thuận hay không chấp thuận nội dung đề nghị thay đổi; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép có hiệu lực, Trung tâm trọng tài phải đăng ký việc thay đổi tại Sở Tư pháp, nơi Trung tâm trọng tài đăng ký hoạt động. Sở Tư pháp nơi đăng ký làm việc thay đổi thực hiện ghi nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm. Trung tâm trọng tài gửi hồ sơ đề nghị đăng ký việc thay đổi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi Trung tâm trọng tài đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi Trung tâm trọng tài đăng ký hoạt động. Hồ sơ đề nghị đăng ký nội dung thay đổi gồm 01 bộ giấy tờ sau đây:

a) Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động;

b) Bản chính Giấy đăng ký hoạt động;

c) Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu.

4. Trung tâm trọng tài thay đổi người đại diện theo pháp luật, địa điểm đặt trụ sở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi phải thông báo bằng văn bản cho Cục Bộ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp và gửi hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký cho Sở Tư pháp, nơi Trung tâm trọng tài đăng ký hoạt động. Hồ sơ đề nghị đăng ký nội dung thay đổi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp thay đổi địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Trung tâm trọng tài gửi thông báo chuyển địa điểm trụ sở cho Sở Tư pháp nơi đã cấp Giấy đăng ký hoạt động và gửi hồ sơ đăng ký hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở mới hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh nơi Trung tâm trọng tài đặt trụ sở mới. Hồ sơ đăng ký gồm những giấy tờ quy định tại Điều 8 Nghị định này.

5. Trường hợp thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Chi nhánh phải gửi hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung đăng ký qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động của Chi nhánh hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành

chính cấp tỉnh nơi đăng ký hoạt động của Chi nhánh, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi. Hồ sơ đề nghị đăng ký nội dung thay đổi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Chi nhánh của Trung tâm trọng tài thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác gửi thông báo chuyển địa điểm trụ sở cho Sở Tư pháp nơi đã cấp Giấy đăng ký hoạt động và gửi hồ sơ đăng ký hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở mới hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới. Hồ sơ đăng ký thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Cấp lại Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động

1. Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam mà Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động bị mất, rách, nát, cháy hoặc bị tiêu hủy có thể gửi đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bộ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động đến Sở Tư pháp nơi đã cấp Giấy đăng ký hoạt động để được cấp lại hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi đã cấp Giấy đăng ký hoạt động.

2. Cục trưởng Cục Bộ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp xem xét cấp lại Giấy phép thành lập trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập. Sở Tư pháp nơi đã cấp Giấy đăng ký hoạt động xem xét cấp lại trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài

1. Trong trường hợp chấm dứt hoạt động theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Luật Trọng tài thương mại, thì chậm nhất là 30 ngày trước thời điểm chấm dứt hoạt động, Trung tâm trọng tài phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bộ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp nơi Trung tâm trọng tài đăng ký hoạt động; đăng báo hàng ngày của Trung ương hoặc báo địa phương nơi đăng ký hoạt động trong ba số liên tiếp về việc chấm dứt hoạt động.

Trung tâm trọng tài phải thanh toán xong các khoản nợ và hoàn tất các vụ việc đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất các thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này, Trung tâm trọng tài gửi báo cáo bằng văn bản về việc hoàn tất các thủ tục đó qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bỏ trợ tư pháp Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Trung tâm trọng tài, Cục trưởng Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp ra Quyết định về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm. Trung tâm trọng tài nộp lại Giấy phép thành lập cho Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp, nơi Trung tâm trọng tài đăng ký hoạt động và nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Tổ chức trọng tài nước ngoài muốn thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam phải có hồ sơ đề nghị thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và lệ phí, Cục trưởng Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp xem xét cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản.

Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài có hiệu lực kể từ ngày ký.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

1. Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam thay đổi về tên gọi, lĩnh vực hoạt động, gửi hồ sơ đề nghị thay đổi về tên gọi, lĩnh vực hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp. Hồ sơ đề nghị thay đổi gồm 01 bộ giấy tờ sau đây:

- a) Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy phép thành lập;
- b) Bản chính Giấy phép thành lập của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam và giấy tờ liên quan đến việc thay đổi (nếu có);

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị thay đổi, Cục trưởng Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp xem xét và ra văn bản chấp thuận; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài thì Chi nhánh gửi hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi đặt Chi nhánh hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh nơi đặt Chi nhánh. Hồ sơ đăng ký nội dung thay đổi gồm 01 bộ giấy tờ sau đây:

a) Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động;

b) Bản chính Giấy đăng ký hoạt động;

c) Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu.

Sở Tư pháp nơi đăng ký việc thay đổi thực hiện ghi nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh.

3. Trường hợp thay đổi Trường Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi phải thông báo bằng văn bản cho Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp và gửi hồ sơ đề nghị đăng ký nội dung thay đổi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi đăng ký hoạt động. Hồ sơ đề nghị đăng ký nội dung thay đổi gồm 01 bộ giấy tờ sau đây:

a) Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động;

b) Bản chính Giấy đăng ký hoạt động;

c) Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu.

Trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài gửi Thông báo qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi đã cấp Giấy đăng ký hoạt động và gửi hồ sơ đăng ký hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi đặt địa điểm trụ sở mới hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi đặt địa điểm trụ sở mới. Hồ sơ đề nghị đăng ký theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

4. Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam thay đổi Trường Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi phải thông báo bằng văn bản cho Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp nơi Văn phòng đại diện đặt trụ sở.

Trong trường hợp thay đổi địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Văn phòng đại diện gửi thông báo chuyển địa điểm trụ sở qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở cũ và Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở mới hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cũ và trụ sở mới. Hồ sơ thông báo gửi Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở mới gồm 01 bộ giấy tờ sau đây:

a) Thông báo về việc thay đổi địa điểm Văn phòng đại diện;

b) Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 25 như sau:

“2. Trong trường hợp chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, chậm nhất là 30 ngày trước thời điểm chấm dứt hoạt động, Chi nhánh, Văn phòng đại diện phải thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở; đăng báo về việc chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp ra quyết định chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện.

Trước thời điểm chấm dứt hoạt động, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam phải thanh toán xong các khoản nợ, thanh lý các hợp đồng lao động; hoàn tất các vụ việc đã nhận (đối với Chi nhánh), trừ trường hợp có thỏa thuận khác; nộp lại Giấy phép cho Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp; nộp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp; nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền cấp và đăng ký việc sử dụng con dấu.

3. Trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy phép thành lập thì Chi nhánh, Văn phòng đại diện phải đăng báo về việc chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này; thanh toán xong các khoản nợ, thanh lý các hợp đồng lao động, hoàn tất các vụ việc đã nhận (đối với Chi nhánh), trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày quyết định của Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp về việc chấm dứt hoạt động có hiệu lực hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức thu hồi Giấy phép có hiệu lực, Chi nhánh, Văn phòng đại diện phải hoàn tất các thủ tục nêu trên và gửi báo cáo bằng văn bản qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở về việc chấm dứt hoạt động; nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền cấp.”.

7. Bãi bỏ Điều 5.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Thủ tục thành lập Trung tâm hòa giải thương mại

1. Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định này muốn thành lập Trung tâm hòa giải thương mại gửi 01 bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đề nghị thành lập Trung tâm hòa giải thương mại theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

b) Danh sách sáng lập viên;

c) Giấy tờ chứng minh sáng lập viên đủ tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định này;

d) Dự thảo Quy tắc hòa giải của Trung tâm.

Nội dung của Quy tắc hòa giải của Trung tâm không được trái quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập cho Trung tâm hòa giải thương mại; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Người bị từ chối có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định cấp Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực, Trung tâm gửi hồ sơ đăng ký hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi Trung tâm đặt trụ sở. Hết thời hạn này, nếu Trung tâm hòa giải thương mại không đăng ký hoạt động thì Giấy phép thành lập không còn giá trị, trừ trường hợp có lý do chính đáng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau:

“1. Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trọng tài thương mại muốn thực hiện hoạt động hòa giải thương mại gửi 01 bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đề nghị bổ sung hoạt động hòa giải thương mại theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

b) Dự thảo Quy tắc hòa giải của Trung tâm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp ra quyết định bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Trung tâm trọng tài thực hiện đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Trường hợp có nhu cầu thay đổi về tên gọi, địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Trung tâm hòa giải thương mại gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị thay đổi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đề nghị thay đổi theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

b) Giấy tờ liên quan đến việc thay đổi.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi, Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp có văn bản chấp thuận nội dung thay đổi; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày văn bản chấp thuận của Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp về việc thay đổi tên gọi có hiệu lực, Trung tâm hòa giải thương mại có văn bản đề nghị thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi Trung tâm đăng ký hoạt động. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung tâm, Sở Tư pháp ra quyết định thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Cấp lại Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại

1. Trường hợp Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại gửi đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Hỗ trợ

tư pháp, Bộ Tư pháp; đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động đến Sở Tư pháp nơi đã cấp Giấy đăng ký hoạt động để được cấp lại hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi đã cấp Giấy đăng ký hoạt động để được cấp lại.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Cục trưởng Cục Bảo trợ tư pháp, Bộ Tư pháp cấp lại Giấy phép thành lập cho Trung tâm hòa giải thương mại. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 31 như sau:

“2. Trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này thì chậm nhất 30 ngày trước ngày chấm dứt hoạt động, Trung tâm hòa giải thương mại thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bảo trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi Trung tâm đăng ký hoạt động.

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động, Trung tâm hòa giải thương mại thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng, hoàn tất các vụ việc đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn tất các thủ tục nêu tại Khoản 2 Điều này, Trung tâm hòa giải thương mại báo cáo bằng văn bản gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bảo trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Trung tâm đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi Trung tâm đăng ký hoạt động. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trung tâm hòa giải thương mại, Cục trưởng Cục Bảo trợ tư pháp, Bộ Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Cục trưởng Cục Bảo trợ tư pháp, Bộ Tư pháp có hiệu lực, Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm.”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 36 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài muốn thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp

đến Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đề nghị thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

b) Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc thành lập hợp pháp của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

c) Bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài;

d) Quyết định cử hòa giải viên thương mại làm Trưởng chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện;

đ) Danh sách hòa giải viên thương mại, nhân viên dự kiến làm việc tại chi nhánh; danh sách nhân viên dự kiến làm việc tại văn phòng đại diện.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập cho chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 38 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

“1. Chi nhánh có nhu cầu thay đổi về tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị thay đổi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đề nghị thay đổi theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;

b) Giấy tờ liên quan đến việc thay đổi.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp có văn bản chấp thuận nội dung thay đổi; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày văn bản chấp thuận của Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp về việc thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh có hiệu lực, chi nhánh có văn bản đề nghị thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh nơi đăng ký hoạt động.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chi nhánh, Sở Tư pháp ra quyết định thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Văn phòng đại diện thay đổi tên gọi, Trưởng văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi phải thông báo bằng văn bản qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi văn phòng đại diện đặt trụ sở.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 41 như sau:

“2. Trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều này thì chậm nhất là 30 ngày trước ngày chấm dứt hoạt động, chi nhánh, văn phòng đại diện thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi đặt trụ sở.

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày chấm dứt hoạt động, chi nhánh, văn phòng đại diện thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác; thanh lý các hợp đồng lao động; hoàn tất các vụ việc đã nhận đối với chi nhánh, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn tất các thủ tục tại Khoản 2 Điều này, chi nhánh, văn phòng đại diện báo cáo bằng văn bản qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi chi nhánh đăng ký hoạt động, văn phòng đại diện đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi đặt trụ sở.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của chi nhánh, văn phòng đại diện, Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của chi nhánh, văn phòng đại diện; Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh.”.

10. Bỏ cụm từ “Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm” tại điểm c khoản 2 Điều 22.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Pháp sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên

1. Người thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật Pháp sản muốn hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thì lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo mẫu TP-QTV-01 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chụp Thẻ luật sư đối với luật sư; bản chụp Chứng chỉ kiểm toán viên đối với kiểm toán viên; bản chụp bằng cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng đối với người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng;

c) Giấy tờ chứng minh có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực được đào tạo có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng làm việc;

d) 2 ảnh màu cỡ 3cm x 4cm.

Trong quá trình thẩm tra hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên cơ quan có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề quản tài viên có quyền yêu cầu cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo trình tự, thủ tục của pháp luật về lý lịch tư pháp.

2. Luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán muốn hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thì lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo mẫu TP-QTV-02 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chụp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam đối với luật sư nước ngoài do Bộ Tư pháp cấp; bản chụp Chứng chỉ kiểm toán viên đối với kiểm toán viên là người nước ngoài do Bộ Tài chính cấp;

c) Bản tóm tắt lý lịch (tự khai);

d) 2 ảnh màu cỡ 3cm x 4cm.

3. Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên gửi 01 bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp và nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho người đề nghị theo mẫu TP-QTV-08 ban hành kèm theo Nghị định này; trong trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

Người bị từ chối cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Người đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên gửi 01 bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp và nộp lệ phí cấp lại theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho người đề nghị.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 6 như sau:

“1. Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên nếu người đã được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Luật Phá sản.

2. Khi phát hiện hoặc có căn cứ cho rằng người đã được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Luật Phá sản thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của người đó.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên, Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp xem xét, quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. Người bị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên được gửi cho người bị thu hồi chứng chỉ, Tòa án nhân dân, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân có địa chỉ giao dịch hoặc nơi doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mà người bị thu hồi chứng chỉ hành nghề có trụ sở và được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết

thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi đăng ký hành nghề và nộp lệ phí đăng ký hành nghề theo quy định của pháp luật. Hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân theo mẫu TP-QTV-04 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

Trong quá trình thẩm tra hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân, cơ quan có thẩm quyền đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 của người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân theo trình tự, thủ tục của pháp luật về lý lịch tư pháp.

Trường hợp người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp thì xuất trình bản chính giấy tờ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này để đối chiếu.

Trường hợp người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Tư pháp khi có yêu cầu thì xuất trình bản chính giấy tờ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi đăng ký hành nghề và nộp lệ phí đăng ký hành nghề theo quy định của pháp luật. Hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo mẫu TP-QTV-05 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong công ty hợp danh (nếu có); bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư nhân quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong doanh nghiệp tư nhân (nếu có).

Trong quá trình thẩm tra hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp có quyền yêu cầu cơ quan cấp Phiếu lý lịch

tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 của những người quy định tại điểm c khoản 2 Điều này theo trình tự, thủ tục của pháp luật về lý lịch tư pháp.

Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trực tiếp tại Sở Tư pháp thì xuất trình bản chính giấy tờ quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều này để đối chiếu.

Trường hợp doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản qua đường bưu điện đến Sở Tư pháp khi có yêu cầu thì phải xuất trình bản chính giấy tờ quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 15 như sau:

“1. Khi có thay đổi về địa chỉ giao dịch trong hồ sơ đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày thay đổi, Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân gửi văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi Quản tài viên đăng ký hành nghề.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Quản tài viên, Sở Tư pháp thay đổi thông tin về địa chỉ giao dịch của Quản tài viên trong danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

2. Khi có thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký hành nghề.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của doanh nghiệp, Sở Tư pháp thay đổi thông tin về tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp trong danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Trong trường hợp doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bổ sung Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải đăng ký hành nghề cho người được bổ sung. Trình tự, thủ tục đăng ký cho những người được bổ sung vào danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 12 của Nghị định này.”.

7. Bỏ cụm từ “Người đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân phải có địa chỉ giao dịch.” tại khoản 1 Điều 9.

8. Thay thế một số biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản bằng một số Biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định này như sau:

a) Thay thế Mẫu TP-QTV-01 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP bằng Mẫu TP-QTV-01 ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Thay thế Mẫu TP-QTV-02 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP bằng Mẫu TP-QTV-02 ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Thay thế Mẫu TP-QTV-03 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP bằng Mẫu TP-QTV-03 ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Thay thế Mẫu TP-QTV-04 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP bằng Mẫu TP-QTV-04 ban hành kèm theo Nghị định này.

đ) Thay thế Mẫu TP-QTV-05 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP bằng Mẫu TP-QTV-05 ban hành kèm theo Nghị định này.

e) Thay thế Mẫu TP-QTV-08 ban hành kèm theo Nghị định số 22/2015/NĐ-CP bằng Mẫu TP-QTV-08 ban hành kèm theo Nghị định này

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:

“1. Người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh phải là luật sư và là thành viên của công ty luật.

Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh thay đổi người đại diện theo pháp luật thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định thay đổi, phải gửi văn bản đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật và Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh nơi đăng ký hoạt động.

2. Người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải là luật sư chủ sở hữu của văn phòng luật sư, công ty luật.

Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi người đại diện theo pháp luật thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định thay đổi, phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi

đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Hồ sơ gồm có:

- a) Giấy đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật;
- b) Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- c) Văn bản thỏa thuận giữa người đại diện theo pháp luật cũ và người dự kiến là đại diện theo pháp luật đối với việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư, công ty luật;
- d) Họ, tên, số và ngày cấp Thẻ luật sư của người dự kiến là đại diện theo pháp luật.

Thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Luật luật sư.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Hồ sơ hợp nhất công ty luật được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi công ty luật hợp nhất đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Hồ sơ gồm có:

- a) Giấy đề nghị hợp nhất công ty luật;
- b) Hợp đồng hợp nhất, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị hợp nhất;
- c) Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị hợp nhất;
- d) Điều lệ của công ty luật hợp nhất.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp nhất; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Hồ sơ sáp nhập công ty luật được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi công ty luật sáp nhập đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Hồ sơ gồm có:

- a) Giấy đề nghị sáp nhập công ty luật;
- b) Hợp đồng sáp nhập công ty luật, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ

quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị sáp nhập;

c) Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị sáp nhập và công ty luật nhận sáp nhập.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật nhận sáp nhập; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Hồ sơ chuyển đổi công ty luật được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi công ty luật chuyển đổi đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị chuyển đổi trong đó nêu rõ mục đích, lý do chuyển đổi và cam kết về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật được chuyển đổi;

b) Dự thảo Điều lệ của công ty luật chuyển đổi;

c) Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật được chuyển đổi;

d) Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu; bản sao Thẻ luật sư của các luật sư thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật chuyển đổi;

đ) Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Hồ sơ chuyển đổi văn phòng luật sư được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi công ty luật đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị chuyển đổi trong đó nêu rõ mục đích, lý do chuyển đổi và cam kết về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của văn phòng luật sư được chuyển đổi;

b) Dự thảo Điều lệ của công ty luật chuyển đổi;

c) Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư được chuyển đổi;

d) Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu; bản sao Thẻ luật sư của luật sư chủ sở hữu hoặc các luật sư thành viên của công ty luật chuyển đổi;

đ) Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyển đổi; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32 như sau:

“2. Hồ sơ hợp nhất công ty luật được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

- a) Giấy đề nghị hợp nhất công ty luật;
- b) Hợp đồng hợp nhất, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của các công ty luật bị hợp nhất;
- c) Giấy phép thành lập của các công ty luật bị hợp nhất;
- d) Điều lệ công ty luật hợp nhất.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp quyết định chấp thuận việc hợp nhất dưới hình thức cấp Giấy phép thành lập công ty luật nước ngoài hợp nhất; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 33 như sau:

“2. Hồ sơ sáp nhập công ty luật được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

- a) Giấy đề nghị sáp nhập công ty luật;
- b) Hợp đồng sáp nhập công ty luật, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của các công ty luật bị sáp nhập;
- c) Giấy phép thành lập của các công ty luật bị sáp nhập và công ty luật nhận sáp nhập.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ sáp nhập công ty luật nước ngoài hợp lệ, Bộ Tư pháp quyết định chấp thuận việc sáp nhập; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34 như sau:

“1. Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam có thể chuyển đổi thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam trên cơ sở kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của chi nhánh cũ.

Hồ sơ xin chuyển đổi chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

- a) Giấy đề nghị chuyển đổi của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, trong đó nêu rõ cam kết của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của các chi nhánh được chuyển đổi;
- b) Dự thảo Điều lệ của công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài;
- c) Bản sao Giấy phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của các chi nhánh được chuyển đổi;
- d) Danh sách luật sư dự kiến làm việc tại công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài;
- đ) Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp quyết định cấp Giấy phép thành lập công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:

“2. Hồ sơ xin chuyển đổi công ty luật nước ngoài được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Tư pháp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

- a) Giấy đề nghị chuyển đổi của công ty luật nước ngoài;
- b) Thỏa thuận chuyển đổi giữa công ty luật nước ngoài và bên Việt Nam, trong đó nêu rõ cam kết của bên Việt Nam về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của công ty luật nước ngoài được chuyển đổi;
- c) Dự thảo Điều lệ của công ty luật Việt Nam;
- d) Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật Việt Nam; bản sao Thẻ luật sư của luật sư chủ sở hữu hoặc các luật sư thành viên của công ty luật Việt Nam;
- đ) Giấy phép thành lập của công ty luật nước ngoài được chuyển đổi.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36 như sau:

“1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài thì chi nhánh, công ty luật nước ngoài gửi hồ sơ đăng ký việc thay đổi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp nơi chi nhánh, công ty luật nước ngoài đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.”.

Điều 5. Chuẩn bị và nộp hồ sơ điện tử thực hiện thủ tục hành chính

1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến như sau:

a) Khai mẫu đơn, tờ khai trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn;

b) Đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ hoặc dẫn nguồn tài liệu từ Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân;

c) Ký chữ ký số vào mẫu đơn, tờ khai, giấy tờ, tài liệu điện tử nếu có yêu cầu. Việc yêu cầu ký số được công khai trước khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ điện tử. Thành phần hồ sơ được ký chữ ký số có giá trị pháp lý như văn bản giấy được ký hợp lệ.

2. Sau khi hoàn thành chuẩn bị hồ sơ, mẫu đơn, tờ khai điện tử, tổ chức, cá nhân gửi đến cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận. Các thông tin, dữ liệu sau khi được ghi nhận nếu được tổ chức, cá nhân đồng ý sẽ được hệ thống thông tin lưu giữ và điền tự động trong các biểu mẫu điện tử, hồ sơ điện tử khi thực hiện các thủ tục hành chính lần sau theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài, Giấy phép thành lập trung tâm hoà giải thương mại, Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên, đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân, đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

2. Trường hợp Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài, Giấy phép thành lập trung tâm hoà giải thương mại, chứng chỉ hành nghề Quản tài viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp/Bộ Tư pháp cấp, cấp lại trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp có thẩm quyền cấp lại, thu hồi Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài, Giấy phép thành lập trung tâm hoà giải thương mại, chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo quy định của Nghị định này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

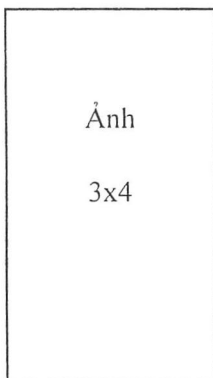
Lê Thành Long

PHỤ LỤC
MỘT SỐ BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu TP-QTV-01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Ảnh
3x4

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

Kính gửi:

Tên tôi là:Giới tính (1):

Ngày, tháng, năm sinh :/...../..... Nơi sinh (2):

Nơi thường trú (3):

Nơi ở hiện tại (4):

Số thuê bao di động (5):

Địa chỉ thư điện tử (6):

Số Chứng minh nhân dân/Số Thẻ căn cước công dân/Số Thẻ căn cước/Số định danh cá nhân:

Ngày, tháng, năm cấp (7):/...../.....

Nơi cấp (8):

Dân tộc (9): Tôn giáo (10):.....

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Phá sản năm 2014, tôi là:

Luật sư

Kiểm toán viên

Người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có kinh nghiệm 05 năm trở lên về lĩnh vực được đào tạo

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

(theo đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Phá sản năm 2014)

Thời gian (từ .../.../... đến .../.../...)	Chức danh, chức vụ, công việc được giao	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Ghi chú

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

(Ghi rõ hình thức khen thưởng, kỷ luật)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi đề nghị được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. Tôi xin cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành
nghề Quản tài viên gồm có:

Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...

Người đề nghị

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

1.....

2.....

3.....

4.....

5.....

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10):

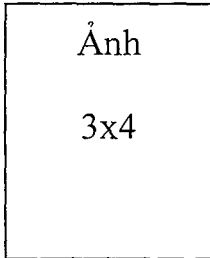
- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

3. Nội dung “Quá trình hoạt động của bản thân”: người thực hiện thủ tục hành chính kê khai quá trình hoạt động của bản thân tương ứng với đối tượng thực hiện thủ tục hành chính là: luật sư; kiểm toán hoặc người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có kinh nghiệm 05 năm trở lên về lĩnh vực được đào tạo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

Kính gửi:

Tôi tên là: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Nơi sinh:

Quốc tịch:

Nơi ở hiện tại:

Điện thoại: Email:

Số Hộ chiếu: Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....

Nơi cấp:

Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam/Chứng chỉ kiểm toán viên số:

Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....

Đang làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư/doanh nghiệp kiểm toán:

Tên:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Email: Fax:

Tôi đề nghị được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên. Tôi xin cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên do pháp luật quy định.

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên gồm có: *Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...*

Người đề nghị

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

1.....

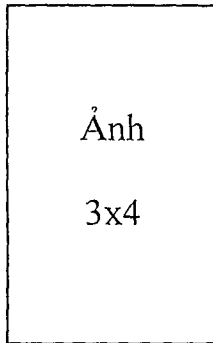
2.....

3.....

4.....

5.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

Kính gửi:

Tôi tên là: Giới tính (1):

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Nơi sinh (2):

Quốc tịch (3):

Nơi ở hiện tại (4):

Số thuê bao di động (5):

Địa chỉ thư điện tử (6):

Số Chứng minh nhân dân/Số Thẻ căn cước công dân/Số Thẻ căn cước/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Ngày, tháng, năm cấp (7):/...../.....

Nơi cấp (8):

Đã được Bộ Tư pháp cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:

Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....

Lý do xin cấp lại:

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên cho tôi. Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung ghi trong đơn này.

Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...

Người đề nghị

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN
VỚI TƯ CÁCH CÁ NHÂN

Kính gửi:

Tôi tên là:Giới tính (1):

Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số: do Bộ Tư pháp cấp ngày, tháng, năm:/...../.....

Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân

với các nội dung sau đây:

1. Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên giao dịch (nếu có):

.....

Số thuê bao di động (2): Fax:

Địa chỉ thư điện tử (3):

Số Chứng minh nhân dân/Số Thẻ căn cước công dân/Số Thẻ căn cước/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu (4):

Ngày, tháng, năm cấp (5):/...../.....

Nơi cấp (6):

Nơi thường trú (7):

Nơi ở hiện tại (8):.....

Địa chỉ giao dịch:.....

.....

Điện thoại: Fax:.....

Email:.....

2. Lĩnh vực hành nghề: Theo quy định của Luật Phá sản.

Tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...

Người đề nghị

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

TÊN DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN₁

Kính gửi:

1. Tên gọi đầy đủ của doanh nghiệp:

Tên giao dịch:

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email:

Website:

Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với các nội dung sau đây:

1. Tên doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (*tên gọi ghi bằng chữ in hoa*):

.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

Tên tiếng Anh (nếu có):

2. Chủ doanh nghiệp tư nhân đối với doanh nghiệp tư nhân quản lý, thanh lý tài sản:

Họ và tên: Giới tính (1):.....

Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Số Chứng minh nhân dân/Số Thẻ Căn cước công dân/Số Thẻ căn cước/Số định danh cá nhân/ Số Hộ chiếu:

Ngày, tháng, năm cấp (2):/...../.....

Nơi cấp (3):

Nơi thường trú (4):

Nơi ở hiện tại (5):

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:

Ngày, tháng, năm cấp/.../.....

3. Thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc là Quản tài viên đối với công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản:

a) Họ và tên: Giới tính (6):

Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Số Chứng minh nhân dân/Số Thẻ Căn cước công dân/Số Thẻ căn cước/Số định danh cá nhân/ Số Hộ chiếu:

Ngày, tháng, năm cấp (7):/...../.....

Nơi cấp (8):

Nơi thường trú (9):

Nơi ở hiện tại (10):

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:

Ngày, tháng, năm cấp/.../.....

b) Họ và tên: Giới tính (11):

Ngày, tháng, năm sinh: / /

Số Chứng minh nhân dân/Số Thẻ Căn cước công dân/Số Thẻ căn cước/Số định danh cá nhân/ Số Hộ chiếu:

Ngày, tháng, năm cấp (12): / /

Nơi cấp (13):

Nơi thường trú (14):

.....

Nơi ở hiện tại (15):

.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:

Ngày, tháng, năm cấp / ... /

c) Họ và tên: Giới tính (16):

Ngày, tháng, năm sinh: / /

Số Chứng minh nhân dân/Số Thẻ Căn cước công dân/Số Thẻ căn cước/Số định danh cá nhân/ Số Hộ chiếu:

Ngày, tháng, năm cấp (17): / /

Nơi cấp (18):

Nơi thường trú (19):

.....

Nơi ở hiện tại (20):

.....

Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số:

Ngày, tháng, năm cấp / ... /

4. Danh sách những người hành nghề quản lý, thanh lý tài sản khác trong doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh (nếu có):

Stt	Họ tên	Năm sinh	Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (ghi rõ số, ngày cấp)	Địa chỉ, số điện thoại liên hệ

5. Lĩnh vực hành nghề: Theo quy định của Luật Phá sản.

Tôi/chúng tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...

Chữ ký/ chữ ký số ghi rõ họ tên, đóng dấu

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18), (19), (20):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Nguyên tắc hành nghề quản lý,
thanh lý tài sản**

**Quốc huy nước Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt Nam**

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
2. Tuân theo Quy tắc đạo đức nghề nghiệp
Quản tài viên.
3. Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn,
nghịệp vụ, tính trung thực, minh bạch,
khách quan.
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về
hoạt động hành nghề.

CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

BỘ TƯ PHÁP
CỤC BỔ TRỢ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu tượng
Bộ Tư pháp

CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

Số: /TP/QTV-CCHN

Ảnh
3x4

Cấp cho ông (bà):

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi thường trú:

Chữ ký

Hà Nội, ngày tháng năm
CỤC TRƯỞNG
(Ký, họ tên, đóng dấu)